



|| nam móc, ta tha ga ta da, su ga ta da, a ra ha te,
sam dắc - sam bu đa da

| nam móc, ta tha ga ta - bu đa - cô ti - u sờ ni sâm

| nam móc, sa qua - bu đa - bô đi - sách toe bi a ha

| nam móc, sáp ta nâm, sam dắc - sâm bu đa - cô ti nâm,
sa - sờ ra qua ca - sâm ga nâm

| nam mô, lô ke, a ra hân ta nâm

| nam móc, sờ rô ta ban na nâm

| nam móc, sách ri đa ga mi nâm

| nam mô, lô ke, sam dắc - ga ta nâm,
sam dắc - bờ ra ti ban na nâm

| nam mô, đe va ri si nâm

| nam móc, sít đi a, vi đi a - đa ra - ri si nâm,
sa ba - a nu - gờ ra ha - sa ha - sa ma tha nâm

| nam mô, bờ ra ma ne

| nam ma, in đờ ra da

| nam mô, ba ga qua te, ru đờ ra da, u ma - ba ti - sa ha da da

| nam mô, ba ga qua te, na ra da na da,
banh cha - ma ha - mu đờ ra - nam móc - cờ ri ta da

| nam mô, ba ga qua te, ma ha - ca la da

| tri bu ra - na ga ra - vi đờ ra - a ba na - ca ra da,
a đi - mức ti - sờ ma sa na - ni va si ni,
ma tri - ga na - nam móc - cờ ri ta da

| nam mô, ba ga qua te, ta tha ga ta, cu la da

| nam ma ha, bách ma - cu la da

| nam mô, va chờ ra - cu la da

| nam mô, ma ni - cu la da

| nam mô, ga cha - cu la da

| nam mô, ba ga qua te, đờ ri đa - su ra - se na - bờ ra - ha ra na
- ra cha da, ta tha ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đa da

| nam mô, ba ga qua te, nam mô, a mi ta ba da,
ta tha ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đa da

| nam mô, ba ga qua te, át sô bi da da,
ta tha ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đa da

| nam mô, ba ga qua te, bai sa cha - gu ru - vai đưa ri a
- bờ ra ba - ra cha da, ta tha ga ta da

| nam mô, ba ga qua te, sâm bu sờ bi ta - sa len đờ ra - ra cha da,
ta tha ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đa da

| nam mô, ba ga qua te, sác ky a mu na de,
ta tha ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đa da

| nam mô, ba ga qua te, rách na - ke tu - ra cha da,
ta tha ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đa da

| te bi ô, nam mác - cờ ri toa, i đâm, ba ga qua ta,
ta tha ga ta - u sờ ni sâm, si ta ta ba trâm,
nam mô, a ba ra chi tâm, bờ ra ty ân ghi râm

| sa qua - bu ta - gờ ra ha - ni gờ ra ha ca - ca ra - ha ni

| ba ra - vi đi a - che đa nim

| a ca la - mớ ri ty u - ba ri - tra da na - ca rim

| sa qua - ban đa na - mốc sa nim

| sa qua - đu sờ ta - đế - sờ vấp na - ni va ra nim

| cha tu ra si ti nâm, gờ ra ha - sa ha sờ ra nâm,
vi đờ vâm sa na - ca rim

| a sờ ta - vim sa ti nâm,
 nấc sa tra nâm, bờ ra - sa đa na - ca rim
 | a sờ ta nâm, ma ha - gờ ra ha nâm, vi đồ vâm sa na - ca rim
 | sa qua - sa tru - ni va ra nam
 | gô râm, đế - sờ vấp nâm, cha, na sa nim
 | vi sa - sa sờ tra - át ni - u đa ca - ra nâm
 | a ba ra chi ta - gô ra, ma ha - ba la - chân đa, ma ha - đíp ta,
 ma ha - te cha, ma ha - sờ que ta - chờ qua la, ma ha - ba la
 | ban đa ra - va si ni, a ri a - ta ra
 | bờ rị cu tim, che, va, vi cha đa, va chờ ra - ma le ti hi
 | vi - sờ ru ta - bách ma ca ha, va chờ ra - chi vác, cha,
 ma la, che, va, a ba ra chi ta - va chờ ra - đan đa ha
 | vi sa la, cha, san ta, sờ que te qua, bu chi ta,
 sau ma - ru ba - ma ha - sờ que ta - a ri a - ta ra
 | ma ha - ba la - a ba ra - va chờ ra - sâm ca la, che, va,
 va chờ ra - câu ma ri, cu lâm - đa ri
 | va chờ ra - hách ta, cha, vi đi a
 | canh cha na - ma li ca ha, cu sum ba ca - rách na ha
 | vai rô cha na - cu li da đa, a tha - u sờ ni sa ha
 | vi - chờ rim ba - ma ni, cha, va chờ ra - ca na ca - bờ ra ba - lô cha na
 | va chờ ra - tun đi, cha, sờ que ta,
 cha, ca ma la - ạt sát, sa si - bờ ra ba
 | i ty - i ti - mu đồ ra - ga nác, sa que, rất sâm,
 cơ van tu, i man, ma ma - a sy a ||



|| ôm

| ri si - ga na - bờ ra - sa sờ ta, ta tha ga ta - u sờ ni sâm

| hùm, trùm, cham ba na, hùm, trùm, sờ tam ba na

| hùm, trùm, ba ra - vi đi a - sâm - bắc sa na - ca ra

| hùm, trùm, sa qua - dắc sa - rất sa sà - gờ ra ha nâm,
vi đờ vâm sa na - ca ra

| hùm, trùm, cha tu ra si ti nâm, gờ ra ha - sa ha sờ ra nâm,
vi đờ vâm sa na - ca ra

| hùm, trùm, rất sa, rất sa, mâm

| ba ga quâm, ta tha ga ta - u sờ ni sâm

| bờ ra ty ân ghi re, ma ha - sa ha sờ ra - bu che,
sa ha sờ ra - sia se, cô ti - sa ha sờ ra - ne tre

| a be đê, chờ qua li ta - a ta ta ca,
ma ha - va chờ ra - u đa ra - tri - bu qua na - man đa la

| ôm, sờ qua sơ tia, ba qua tu, ma ma, i man, ma ma - a sy a ||



|| ra cha - bây da, chô ra - bây da, át ni - bây da, u đa ca - bây da,
vi sa - bây da ha, sa sờ tra - bây da ha

| ba ra chất cờ ra - bây da, đưa - bíc sa - bây da, a sa ni - bây da,
a ca la - mớ ri ty u - bây da

| đa ra ni - bu mi - cam ba ca - ba ta - bây da,
u ca - ba ta - bây da, ra cha - đan đa - bây da

| na ga - bây da, vi đi út - bây da, su ba na - bây da

| dắc sa - gờ ra ha, rất sa si - gờ ra ha, bờ re ta - gờ ra ha,
bi sa cha - gờ ra ha, bu ta - gờ ra ha, cum ban đa - gờ ra ha,
bu ta na - gờ ra ha, ca ta bu ta na - gờ ra ha,
sờ canh đa - gờ ra ha, a ba - sờ ma ra - gờ ra ha,
un ma đa - gờ ra ha, cha da - gờ ra ha, re va ti - gờ ra ha

| cha ta - a ha ri nâm, ga ba - a ha ri nâm, ru đi ra - a ha ri nâm,
mâm sa - a ha ri nâm, me đa - a ha ri nâm, ma cha - a ha ri nâm,
cha ta - a ha ri nim, chi vi ta - a ha ri nâm, bi ta - a ha ri nâm,
van ta - a ha ri nam, a su chi a ha ri nim, chít ta - a ha ri nim

| te sâm, sa que sâm, sa qua - gờ ra ha nâm,
vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| ba ri - vờ ra cha ca - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| đa ki ni - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| ma ha - ba su ba ti - ru đờ ra - cờ ri tâm,
vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| na ra da na - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| tách toa - ga ru đa - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| ma ha - ca la - ma tri - ga na - cờ ri tâm,
vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| ca ba li ca - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| cha da - ca ra - ma đu - ca ra - sa qua - a tha - sa đa ca - cờ ri tâm,
vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| cha tưa - ba ghi ni - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| bơ rin ghi - ri ti - nan đi ke sờ qua ra - ga na - ba ti - sa ha da -
cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| nát na - sờ ra ma na - cờ ri tâm,
vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| a ra hân ta - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| vi ta - ra ga - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| va chờ ra - ba ni - gu hy a - gu hy a ca - a đi ba ti - cờ ri tâm,
vi đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| rất sa, mâm, ba ga quanh, i man, ma ma - a sy a ||



|| ba ga quách, si ta ta ba tra, na mô, sờ tu te

| a si ta - na la - a ca - bờ ra ba - sờ phu ta - vi - ca - si ta ta ba tre

| chờ qua la, chờ qua la, đa ra, đa ra, bi đa ra, bi đa ra, chi đa, chi đa

| hùm, hùm, phạt, phạt, phạt, phạt, phạt,
sờ qua ha, he he, phạt

| a mô ga da, phạt, a bờ ra ti ha ta, phạt

| va ra bờ ra đa, phạt, a su ra - vi đa ra ca, phạt

| sa qua - đe ve bi a ha, phạt, sa qua - na ghe bi a ha, phạt,
sa qua - dắc se bi a ha, phạt, sa qua - ganh đa ve bi a ha, phạt

| sa qua - bu ta ne bi a ha, phạt, ca ta - bu ta ne bi a ha, phạt,
sa qua - đưa - lân ghi te bi a ha, phạt,
sa qua - đu sờ - bờ rắc si te bi a ha, phạt

| sa qua-chờ qua re bi a ha, phạt, sa qua-a ba sờ ma re bi a ha, phạt,
sa qua-sờ ra ma ne bi a ha, phạt, sa qua-tia thi ke bi a ha, phạt,
sa qua - un ma đa ke bi a ha, phạt,
sa qua - vi đi a - ra cha - a cha ri e bi a ha, phạt

| cha da-ca ra-ma đu-ca ra-sa qua-a tha-sa đa ke bi a ha, phạt,
vi đi a - a cha ri e bi a ha, phạt, cha tưa - ba ghi ni bi a ha, phạt

| va chờ ra - câu ma ri - vi đi a - ra che bi a ha, phạt,
ma ha - bờ ra ty - ân ghi re bi a ha, phạt

| va chờ ra - sâm ca la da, bờ ra ty - ân ghi ra - ra cha da, phạt,
ma ha-ca la da, ma ha-ma tri-ga na-nam mác-cờ ri ta da, phạt

| vi sờ na ve, phạt, bờ ra ma ni de, phạt, át ni de, phạt,
ma ha - ca li de, phạt, ca la - đan đi de, phạt,
ma tre, phạt, rau đờ ri de, phạt, cha mun đi de, phạt,
ca la - ra tri de, phạt, ca ba li de, phạt

| a đi - mức ta ca - sờ ma sa na - va si ni de, phạt,
de ke, chít ta, sách toa sy a, ma ma, i man, ma ma - a sy a ||



|| đư sồ ta - chít ta, a mi tri - chít ta

| ô cha - a ha ra, ga ba - a ha ra, ru đi ra - a ha ra, va sa - a ha ra,
ma cha - a ha ra, cha ta - a ha ra, chi vi ta - a ha ra, ma ly a - a ha ra,
ganh đă - a ha ra, bu sớ ba - a ha ra, pha la - a ha ra, sa sy a - a ha ra

| ba ba - chít ta, đư sồ ta - chít ta, rau đờ ra - chít ta

| dắc sa - gờ ra ha, rắ sa sà - gờ ra ha, bờ re ta - gờ ra ha,
bi sa cha - gờ ra ha, bu ta - gờ ra ha, cum ban đă - gờ ra ha,
sờ canh đă - gờ ra ha, un ma đă - gờ ra ha, cha đă - gờ ra ha,
a ba - sớ ma ra - gờ ra ha, đă ca - đă ki ni - gờ ra ha,
re va ti - gờ ra ha, cha mi ca - gờ ra ha, sác cu ni - gờ ra ha,
rau đờ ra - ma tri - nan đi ca - gờ ra ha,
a lam ba - gờ ra ha, gách nu - can tha ba ni ni - gờ ra ha

| chờ qua ra, e ca hi ca, đờ vai ti da ca, trai ti da ca,
cha từa tha ca, ni ty a - chờ qua ra, vi sa ma - chờ qua ra,
va ti ca ha, bai ti ca, sồ lai sớ mi ca, sâm - ni ba ti ca,
sa qua - chờ qua ra, si rô ri tia, va đă - ba đă - a rô cha ca

| át si - rô gâm, múc kha - rô gâm, hê ri - rô gâm, ga la - gờ ra hâm,
ca na - su lâm, đăn ta - su lâm, hê ri đă da - su lâm, ma man - su lâm,
ba sồ qua - su lâm, bờ ri sớ tha - su lâm, u đă ra - su lâm, ca ti - su lâm,
va sớ ti - su lâm, u ru - su lâm, na kha - su lâm, hách ta - su lâm,
ba đă - su lâm, sa qua - ân ga - bờ ra ty ân ga - su lâm

| bu ta - ve ta đă - đă ki ni - chờ qua ra, đă đờ ru ca ha,
can đư hu, ki ti ba, lu ta, vai sa ba, lo ha - lin ga ha

| sa sớ tra - sâm - ga ra, vi sa - dô ga, át ne, u đă ca,
ma ra, vai ra, can ta ra, aca la - mớ ri ty ô

| tri - am bu ca, trai - la ta, vợ ri chi ca, sa ba, na cu la,
sim ha, vy a gờ ra, rít sa, ta rắ sa,
ma ra, chi vít, te sâm, sa que sâm

| si ta ta ba tra - ma ha - va chờ ra - u sồ ni sâm,
ma ha - bờ ra ty - ân ghi râm

| da qua - đờ qua đă sa - dô cha na - a bi - an ta re na,
si ma - ban đâm, ca rô mi, vi đi a - ban đâm, ca rô mi,
te chô - ban đâm, ca rô mi, ba ra - vi đi a - ban đâm, ca rô mi

| ta đi a tha, ôm, a na le, vi sa đê, vi ra - va chờ ra - đă re, ban đă,
ban đă ni, va chờ ra - ba ni hi, phạt, hùm, trùm, phạt, sồ qua ha ||